

108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 024.39421030  
GCNĐKKD số 0100111948  
Cấp thay đổi lần 13 ngày 08/01/2024

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2026

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

### I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Kinh tế thế giới trong năm 2025 mặc dù có cải thiện so năm trước tuy nhiên vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, xung đột địa chính trị có xu hướng gia tăng, lạm phát mặc dù có cải thiện nhưng vẫn ở mức cao hơn mục tiêu của nhiều ngân hàng trung ương. Nhiều nền kinh tế lớn, trong đó có các đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam, đã tăng trưởng chậm lại, một số có khả năng rơi vào suy thoái, ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh khó khăn, thách thức của kinh tế - xã hội toàn cầu, kinh tế Việt Nam vẫn đạt được những kết quả tích cực. GDP năm 2025 tăng trưởng 8,46%, vượt kế hoạch đề ra, kinh tế vĩ mô ổn định, các cân đối lớn được đảm bảo, lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp.

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) đã tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh, đi đầu trong việc thực thi các chính sách, định hướng của Đảng và Nhà nước và diễn biến thị trường, nỗ lực đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, triển khai chuyển đổi số toàn diện trong các mặt hoạt động, nâng cao năng lực tài chính, phát triển giải pháp ngân hàng tài chính hiện đại, chất lượng dịch vụ, đáp ứng tối đa nhu cầu tài chính của khách hàng. Theo đó, VietinBank đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kế hoạch với những kết quả ấn tượng trong năm 2025, tạo tiền đề vững chắc cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong giai đoạn tiếp theo:

#### 1. Quy mô tăng trưởng bền vững, chất lượng tài sản được cải thiện

- Tổng tài sản hợp nhất đạt 2,77 triệu tỷ đồng, tăng 16,0% so với năm 2024.
- Dư nợ tín dụng hợp nhất đạt 1,99 triệu tỷ đồng, tăng 15,6% so với năm 2024; tốc độ tăng trưởng tín dụng duy trì ổn định, bền vững, thường xuyên ở mức cao hơn toàn ngành, đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế.
- Huy động vốn được cân đối phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đảm bảo các tỷ lệ an toàn thanh khoản. Nguồn vốn huy động hợp nhất đạt gần 1,97 triệu tỷ đồng, tăng 11,9% so với năm 2024. Trong đó, tỷ lệ CASA đạt 25,5%, cải thiện tích cực so cuối năm 2024, hỗ trợ cải thiện chi phí vốn và nâng cao năng lực cạnh tranh của VietinBank.

- Tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 31 được kiểm soát ở mức 1,0%, tuân thủ hạn mức kế hoạch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) và Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao. Tỷ lệ dự phòng bao phủ nợ xấu tiếp tục duy trì ở mức cao.
- Các tỷ lệ an toàn hoạt động luôn được đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và NHNN.

## 2. **Hiệu quả kinh doanh tăng trưởng tích cực, hoàn thành vượt kế hoạch**

- Tổng thu nhập hoạt động đạt 87,3 nghìn tỷ đồng, tăng 6,6% so với năm 2024.
- Thu nhập ngoài lãi đạt 20,8 nghìn tỷ đồng, tăng 6,8% so với năm 2024, cơ cấu thu ngoài lãi trong tổng thu nhập của ngân hàng đạt mức 23,9%, trong đó: Thu XLRR tăng 17,9% so với năm 2024, cao hơn nhiều so với kết quả thu XLRR của các năm trước đây. Thu thuần dịch vụ và Thu nhập từ Kinh doanh ngoại tệ tiếp tục duy trì ở mức cao, đóng góp tích cực vào hiệu quả hoạt động của ngân hàng.
- Tối ưu hiệu quả sử dụng, quản trị chi phí, ưu tiên phân bổ chi phí vào các hoạt động thúc đẩy kinh doanh, chương trình chuyển đổi số và các dự án trọng điểm của VietinBank. Tỷ lệ CIR ở mức 30,4%.
- Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và quốc tế có nhiều khó khăn, thách thức, với nỗ lực, quyết tâm của toàn hệ thống VietinBank, lợi nhuận trước trích DPRR năm 2025 đạt 60,7 nghìn tỷ đồng, tương đương tăng 2,3% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế riêng lẻ đạt 41,1 nghìn tỷ đồng, tăng 35,2% so với năm 2024 - hoàn thành 126,5% mục tiêu kế hoạch ĐHĐCĐ giao, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 43,4 nghìn tỷ đồng, tăng 36,8% so với năm 2024.

### **MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Đơn vị: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/12/2025 so với 31/12/2024		Kế hoạch ĐHĐCĐ năm 2025	So kế hoạch năm 2025
			+/-	+/- %		
Tổng tài sản	2.385.388	2.767.699	382.312	16,0%	Tăng trưởng từ 8-10%	Đạt
Nguồn vốn huy động	1.757.995	1.967.762	209.768	11,9%	Tăng trưởng phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN	Đạt
Dư nợ tín dụng	1.725.766	1.994.686	268.920	15,6%	Tăng trưởng theo hạn mức tăng trưởng tín dụng được NHNN phê	Đạt

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/12/2025 so với 31/12/2024		Kế hoạch ĐHĐCĐ năm 2025	So kế hoạch năm 2025
			+/-	+/- %		
					duyet và định hướng chính sách điều hành tín dụng của NHNN trong từng thời kỳ.	
Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng theo Thông tư 31	1,1%	1,0%			<1,8%	Đạt
LNTT riêng lẻ	30.361	41.146	10.785	35,5%	32.500	126,6%
LNTT hợp nhất	31.764	43.444	11.680	36,8%		

(Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2025)

## II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

### 1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên

Quá trình triển khai đầu tư xây dựng các dự án từ khâu chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và kết thúc đầu tư đều đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Chất lượng công trình cũng như hình thái kiến trúc, thẩm mỹ của các công trình càng ngày càng được chú trọng nâng cao. Các dự án đưa vào khai thác đều phát huy tốt hiệu quả đầu tư, phục vụ tốt nhu cầu về cơ sở vật chất cho hoạt động ngân hàng. Công tác giải ngân được thực hiện kịp thời, không để xảy ra tình trạng nợ đọng vốn xây dựng cơ bản, tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh tiến độ dự án. VietinBank cũng tăng cường công tác giám sát của Chủ đầu tư để đảm bảo quản lý chặt chẽ tiến độ và chất lượng thi công công trình. Các dự án sau khi được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư đều được VietinBank thanh toán vốn ngay trong kỳ để tiến hành nhập tài sản, không để kéo dài.

Chi tiết tình hình thực hiện các dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên được trình bày ở Phụ lục 1.

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính theo báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025 gồm:

- Trái phiếu chính phủ đến 31/12/2025 có số dư là 103,2 nghìn tỷ đồng, tăng 22,3 nghìn tỷ đồng so với cuối năm 2024.
- Trái phiếu tổ chức tín dụng đến 31/12/2025 có số dư là 108,6 nghìn tỷ đồng, giảm 23 nghìn tỷ đồng so với cuối năm 2024.
- Trái phiếu tổ chức kinh tế đến 31/12/2025 có số dư là 2,4 nghìn tỷ đồng, giảm 1,4 nghìn tỷ đồng so với cuối năm 2024.

### III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON

Đến 31/12/2025, tổng số dư đầu tư góp vốn, mua cổ phần gồm các công ty con, công ty liên kết, đơn vị nhận vốn khác của VietinBank ở mức 6.212 tỷ đồng. Các công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau thuộc ngành tài chính như chứng khoán, quản lý quỹ, vàng bạc đá quý, bảo hiểm, chuyên tiền, thuê tài chính, trung gian tài chính, đem lại sự đa dạng trong danh mục đầu tư đồng thời cung cấp các dịch vụ trọn gói phục vụ nhu cầu của khách hàng thông qua hệ sinh thái của VietinBank.

Năm 2025, các công ty con, ngân hàng con của VietinBank đã nỗ lực cải thiện thị phần, tập trung nâng cao hiệu quả mảng nghiệp vụ kinh doanh lõi và các mảng hoạt động có tiềm năng của công ty, cải thiện cơ cấu thu nhập, cân đối cơ cấu hoạt động với hiệu quả và rủi ro mang lại; Đẩy mạnh hoạt động bán chéo sản phẩm, nâng cao hiệu quả phối hợp và tạo động lực thúc đẩy kinh doanh giữa ngân hàng mẹ và các công ty con, tăng giá trị và chất lượng sản phẩm dịch vụ của hệ sinh thái tài chính; VietinBank chú trọng cải thiện năng suất lao động, quản trị chi phí hiệu quả gắn với kết quả hoạt động kinh doanh. Nhờ đó, hiệu quả sử dụng vốn tại các công ty con, ngân hàng con trong năm 2025 đã tiếp tục được nâng cao, đóng góp chung vào hiệu quả hoạt động của VietinBank.

Chi tiết tình hình kinh doanh của công ty con, ngân hàng con được trình bày ở Phụ lục 2.

Nơi nhân: 

- Vụ TCKT-NHNN
- Lưu: TC3; VP NHCT

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Trần Minh Bình**

**PHỤ LỤC 1: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Vốn khác	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (*)	Thời gian thực hiện dự án
<b>Dự án quan trọng quốc gia: Không phát sinh</b>							
<b>Dự án nhóm B</b>							
<b>Dự án đầu tư XD CB</b>							
1	Văn phòng làm việc kiêm kho tại Xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	208.000	208.000	0	0	1.345	2024-2028
2	Kho lưu trữ tập trung khu vực Miền Trung - VietinBank	102.600	102.600	0	0	2.142	2024-2028
3	Trụ sở Chi nhánh Bình Dương	98.836	98.836	0	0	1.179	2025-2028
4	Trường Đào tạo Huế - Khu B	389.485	389.485	0	0	233.404	2011-2028
5	Trụ sở VietinBank Chi nhánh Hà Giang	91.594	91.594	0	0	74.729	2015-2025
6	Trụ sở VietinBank Chi nhánh Thành An	58.848	58.848	0	0	20.769	2020-2026
7	Trụ sở Chi nhánh Bắc Đà Nẵng	63.224	63.224	0	0	16.916	2023-2026
8	Văn phòng giao dịch và nhà ở công vụ VietinBank tại 452 Trương Định - Hà Nội	80.909	80.909	0	0	65.443	2009-2025
9	Phòng giao dịch – Kho lưu trữ chứng từ khu vực tại khu đất thương mại dịch vụ khu dân cư Hiệp Thành 3 (giai đoạn 2)	89.021	89.021	0	0	67.484	2012-2024
10	Trụ sở VietinBank - Chi nhánh Bắc Thăng Long	54.441	54.441	0	0	33.070	2020-2025
11	Trụ sở VietinBank - Chi nhánh Cao Bằng	48.713	48.713	0	0	31.711	2021-2025

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Vốn khác	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (*)	Thời gian thực hiện dự án
12	Trụ sở VietinBank Chi nhánh Bắc Thanh Hóa	49.431	49.431	0	0	23.050	2021-2025
13	Trụ sở VietinBank - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	63.084	63.084	0	0	53.815	2020-2024
14	Trụ sở VietinBank - Chi nhánh Tuyên Quang	78.718	78.718	0	0	56.465	2012-2022
15	Trụ sở VietinBank - Chi nhánh KonTum	186.824	186.824	0	0	155.991	2011-2019
16	Trụ sở VietinBank - Chi nhánh Bạc Liêu	86.379	86.379	0	0	76.002	2016-2022
17	Trụ sở VietinBank - Chi nhánh Hồng Bàng	71.264	71.264	0	0	772	2025-2028
<i>Dự án khác</i>							
1	Nhận chuyển nhượng phần diện tích sàn dự án để làm trụ sở Chi nhánh Hoàng Mai - Tầng 1,2,3 thuộc dự án Khu dịch vụ Thương mại và Nhà ở tại 25 Tân Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội	72.550	72.550	0	0	72.282	2013
2	Đầu giá Tài sản là nhà cửa và vật kiến trúc gắn liền với đất thuê trả tiền hàng năm làm Trụ sở Chi nhánh Nghệ An	57.500	57.500	0	0	57.212	2015
3	Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất - Lô đất D5, D6, D7 khu đô thị Trần Nãi làm Trụ sở Chi nhánh Thủ Thiêm	65.336	65.336	0	0	61.760	2010
4	Nhận chuyển nhượng nhà đất làm trụ sở Chi nhánh Thủ Đức	92.534	92.534	0	0	91.880	2023-2025

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Vốn khác	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (*)	Thời gian thực hiện dự án
5	Nhận chuyển nhượng QSD đất và/hoặc tài sản trên đất làm TSCN Chợ Lớn	171.513	171.513	0	0	153.560	2025-2026
6	Đầu tư hạ tầng công nghệ trung tâm dữ liệu VietinBank	242.006	242.006	0	0	200.817	2016-2025
7	Dự án Xây dựng hệ thống tính toán trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo chuẩn mực quốc tế IFRS	46.100	46.100	0	0	10.640	2023-2025
8	Dự án Mua bản quyền và bảo trì hệ thống Treasury	111.986	111.986	0	0	72.517	2023-2030
9	Mua sắm tủ đĩa	60.612	60.612	0	0	59.612	2024-2026
10	Dự án Mua sắm thiết bị mạng cho DataCenter và chi nhánh	56.244	56.244	0	0	53.049	2024-2027
11	Dự án phần mềm cho hạ tầng ảo hóa, subscription 3 năm	74.390	74.390	0	0	70.949	2024-2027
12	Mua sắm Hệ thống Datalake on premise	250.983	250.983	0	0	212.405	2024-2027
13	Mua sắm 45 máy R-ATM để sảnh và 45 bộ hộp tiền dự phòng	49.311	49.311	0	0	48.594	2024-2025
14	Mua sắm 50 máy R-ATM để sảnh và 50 bộ hộp tiền dự phòng	53.515	53.515	0	0	0	2024-2026

(\*) Các công trình có giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo bằng 0 là do đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư nên chưa có giá trị thực hiện.

**PHỤ LỤC 2: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI  
CÁC CÔNG TY CON**

*Đơn vị: Tỷ đồng*

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ	Tổng tài sản	Doanh thu (*)	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ (**)	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tổng nợ phải trả
<b>1</b>	<b>Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ</b>									
1.1	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV VietinBank	1.000,0	1.000,0	7.347,8	539,3	125,1	100,0	-	20,1	5.951,4
1.2	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản VietinBank	120,0	120,0	366,6	238,7	95,6	76,4	-	51,4	120,8
1.3	Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý VietinBank	200,0	200,0	361,0	768,4	52,0	40,6	-	25,2	123,1
1.4	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ VietinBank	300,0	300,0	430,7	14,6	8,5	6,7	-	3,9	4,8
1.5	Công ty TNHH MTV Chuyên tiền Toàn cầu VietinBank	50,0	50,0	588,2	57,9	22,9	18,0	18,9	11,7	511,1
1.6	Ngân hàng TNHH Công thương Việt Nam tại Lào (***)	1.630,3	1.630,3	9.013,6	424,2	150,9	120,7	47,7	30,2	7.158,8
<b>2</b>	<b>Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</b>									
2.1	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm VietinBank	1.013,9	489,2	10.886,2	4.547,6	450,1	357,4	-	289,3	8.690,6
2.2	Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank	2.126,9	597,2	12.410,7	2.099,2	714,7	577,4	-	214,9	9.555,3

(\*) Tổng doanh thu hoạt động, doanh thu tài chính và thu nhập khác

(\*\*) Lợi nhuận nộp về công ty mẹ = Lợi nhuận năm 2024 các Công ty con đã chuyển về VietinBank trong năm 2025.

(\*\*\*) Số liệu sau quy đổi tỷ giá của VTB Lào tại ngày 31/12/2025: 1 USD = 26.295 VND, 1 LAK = 0,95 VND.